

Bản án số: 755/2022/DS-PT

Ngày: 13/12/2022

*V/v Tranh chấp hợp đồng thế chấp
và tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Lê Ngọc Tường

Các Thẩm phán: 1. Bà Võ Thị Kim Thương
2. Bà Trần Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 07, 13/12/2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 318/2022/TLPT-DS ngày 04/10/2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng thế chấp và tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 134/2022/DS-ST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5756/2022/QĐXXPT-DS ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Trúc H, sinh năm 1971 (có mặt)
Địa chỉ: B423 khu phố B, phường ĐHT, Quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Ngân hàng TMCP K
Trụ sở: 191 PBT, phường LĐH, Quận HBT, thành phố Hà Nội;
Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Mai Văn Đ, sinh năm 1984 – Chuyên viên (có mặt) hoặc bà Nguyễn Ngọc Xuân N, sinh năm 1987 – Chuyên viên (vắng mặt)

Địa chỉ: số C-M đường T, phường BN, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Dương Kinh L, sinh năm 1970

Địa chỉ: 87/6 TT, xã XTĐ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Kinh L: Bà Nguyễn Thị

Trúc H , sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: số B423 khu phố B, phường ĐHT, Quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ông Trần Minh Đ , sinh năm 1960 (vắng mặt)

3.3. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số 122 đường LĐT, phường TQ, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Ông Võ Văn C1, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: 373 NCT, phường CO, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo:* Ngân hàng TMCP K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2012, Đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 10/12/2019 các Bản khai không ghi ngày tháng năm (bút lục số 36), ngày 13/4/2015, ngày 02/5/2018, ngày 12/5/2018, Đơn tính tiền lãi ngày 22/12/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc H trình bày:

Ngày 10/11/2009, bà và ông Dương Kinh L đã ký kết với Ngân hàng TMCP K (sau đây gọi tắt là Ngân hàng hoặc K) Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 2216/HĐTC-TSTL/TCB ngày 20/11/2009 (sau đây gọi tắt là hợp đồng thế chấp), thế chấp chiếc xe ô tô Toyota Fortuner biển số 56N-7320 (sau đây gọi tắt là chiếc xe), số khung 001989, số máy 775744, trị giá 816.300.000 đồng, Ngân hàng cho bà vay 570.000.000 đồng.

Vào tháng 7/2010, ông Dương Kinh L đang có quan hệ làm ăn với ông Trần Minh Đ và bà Phạm Thị C thông qua Công ty Cổ phần V do ông L làm Giám đốc và Công ty PHS do ông Đ và bà C làm chủ. Ngày 13/7/2010, theo đề nghị của ông Đ và bà C , nên ông L đã cho ông Đ và bà C mượn chiếc xe để đi công việc. Sau đó, ông Đ và bà C không trả xe với lý do bà và ông L còn nợ tiền.

Bà đã báo cho Ngân hàng biết vụ việc trên. Ngày 20/7/2010, Ngân hàng ra quyết định số 168/TCB–HCM thu giữ chiếc xe. Ngày 30/7/2010, ông Đ và bà C bàn giao xe cho Ngân hàng, các bên cùng ký nhận. Ngày 02/8/2010, Ngân hàng ra văn bản số 03018/TCB–HCM hủy bỏ quyết định thu giữ xe nhưng không trả xe cho bà dù bà đã yêu cầu nhiều lần.

Về yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu Tòa án buộc Ngân hàng bồi thường giá trị chiếc xe là 803.000.000 đồng và trả tiền lãi tính từ ngày 01/8/2010 đến ngày xét xử theo lãi suất 10%/năm, tạm tính là 837.000.000 đồng.

Về yêu cầu phản tố của Ngân hàng, bà đồng ý thanh toán nợ gốc; không đồng ý trả lãi vì bà và ông L không vi phạm nghĩa vụ trả nợ, việc Ngân hàng ra văn bản thu hồi xe là do bà đề nghị Ngân hàng hỗ trợ thu hồi xe từ ông Đ và bà C; sau đó, Ngân hàng không trả xe dẫn đến việc bà và ông L không nhận được

tiền thuê xe, bị phạt vì hủy hợp đồng thuê xe trước hạn, nên bà và ông L không đóng tiền lãi từ tháng 10/2010.

Bà xác định, bản sao Biên bản bàn giao tài sản đảm bảo ngày 30/7/2010, bà được Công an Quận T cung cấp, Ngân hàng không giao cho bà biên bản này.

Tại Đơn phản tố đề ngày 02/5/2013; Bản tự khai ngày 27/3/2013, ngày 9/7/2013, ngày 20/9/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn Ngân hàng TMCP K có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 19/11/2009, K cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Trúc H và ông Dương Kinh L theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn 2216/HĐTD/TH – TN/TCB – HCM, số tiền vay: 570.000.000 đồng, số tiền giải ngân: 570.000.000 đồng, thời hạn vay: 48 tháng từ 20/11/2009 đến 20/11/2013, mục đích: mua xe ô tô. Khoản nợ trên được bảo đảm bằng tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota, biển số 56N – 7320, số khung 001989, số máy 775744, theo Giấy đăng ký xe ô tô số 000899 do Phòng Cảnh sát giao thông Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/11/2009, theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 2216/HĐTC – TSTL/TCB ngày 20/11/2009.

Do bà H và ông L không trả nợ đúng kì hạn nên khoản vay chuyển nợ quá hạn vào ngày 21/12/2009. Sau đó, khoản vay về lại trong hạn vào ngày 31/12/2009 do bà H và ông L trả hết nợ quá hạn. Do bà H và ông L tiếp tục không trả nợ đúng hạn nên khoản vay lại bị chuyển quá hạn vào ngày 20/01/2010. Từ ngày 21/12/2009 đến 20/11/2010, khách hàng thường xuyên không thanh toán nợ đúng hạn nhưng sau đó vẫn thanh toán đủ cho Ngân hàng. Từ ngày 20/11/2010, bà H và ông L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay bị chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 20/11/2010.

Ngày 20/7/2010, Ngân hàng ban hành Quyết định thu giữ tài sản thế chấp cầm cố cho Ngân hàng số 168/TCB–HCM do bà H và ông L cho bên thứ ba mượn xe và bị bên thứ ba chiếm giữ tài sản không trả, bà H thông báo và nhờ Ngân hàng thu hồi xe giúp bà. Căn cứ vào khoản 4.3 Điều 4 của Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 2216/HĐTC–STL/TCB ngày 20/11/2009 “Nếu trong quá trình sử dụng, bên thế chấp có những hành vi mà theo quan điểm của K là có thể phương hại, hư hỏng hoặc thay đổi theo chiều hướng xấu đến tài sản thế chấp thì K có quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để quản lý trực tiếp tài sản thế chấp...”. Tháng 8/2012, trước áp lực của khách hàng và việc thu thập thông tin không đầy đủ, K cho rằng, ông Võ Văn C1 đã lạm dụng tín nhiệm của K tự ý đứng ra nhận bàn giao xe rồi chiếm dụng riêng nên K đã làm đơn tố cáo ông C1 tại Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, theo biên bản làm việc tại Công an quận T vào ngày 23/8/2010, ông Đ và bà C thừa nhận đang chiếm giữ xe và sẽ giao nộp khi cơ quan chức năng có yêu cầu. Như vậy, Ngân hàng vẫn chưa nhận bàn giao tài sản thế chấp từ ông Đ và bà C .

Do đó, Ngân hàng đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc H vì: Thứ nhất, K không có lỗi trong việc làm mất xe của

bà H . Chủ thể giao xe cho bên thứ ba là bà H , ông L và thực tế bên thứ ba đang chiếm giữ chiếc xe này. Thứ hai, Biên bản bàn giao xe ngày 30/7/2010 không có giá trị pháp lý chứng minh việc K nhận bàn giao xe từ bên thứ ba do biên bản này không có chữ ký của người có thẩm quyền, ông Võ Văn C1 chỉ là chuyên viên, không có thẩm quyền ký biên bản; biên bản không đóng dấu pháp nhân lên chữ kí của người có thẩm quyền theo quy định tại Điều 25 và 26 Nghị định 110/2004/NĐ-CP về công tác văn thư mà chỉ đóng dấu treo.

Đồng thời, trong quá trình vay vốn, do bà H và ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên K đã chuyển toàn bộ nợ còn thiếu qua nợ quá hạn. Do đó, K phản tố yêu cầu bà H và ông L trả số nợ còn thiếu tính đến ngày 21/4/2013 là 439.375.000 đồng nợ gốc và 287.116.462 đồng nợ lãi và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc theo lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 22/4/2013 đến ngày trả dứt nợ theo thứ tự: lãi quá hạn, vốn; trường hợp bà H và ông L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ; nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán khoản nợ thì bà H và ông L phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho K.

Tại Bản khai đề ngày 3/5/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Kinh L trình bày:

Vợ chồng ông Đ và bà C là đại diện cho Công ty PHS và ông là đại diện cho Công ty Cổ phần V có quan hệ hợp tác làm ăn. Ngày 13/7/2010, ông Đ và bà C mượn chiếc xe Toyota Fortuner, biển số 56N – 7320 do vợ ông đứng tên để đi Chùa 03 ngày rồi trả nhưng sau đó thì tìm cách chiếm đoạt luôn. Việc làm này của ông Đ và bà C là hoàn toàn bất hợp pháp, vì vợ chồng ông không viết giấy cầm cố thế chấp bất cứ tài sản gì cho họ, còn việc làm ăn giữa hai công ty nếu có tranh chấp thì đưa ra Tòa án giải quyết.

Ông đã trình báo sự việc với Ngân hàng và nhờ hỗ trợ thu hồi. Ngân hàng trả lời đã có vài lần can thiệp, ra văn bản, gọi điện thoại trực tiếp cho ông Đ và bà C , yêu cầu trả xe nhưng cũng không thu hồi được xe. Ngày 6/9/2010, ông và bà H tố cáo sự việc ra Công an quận T. Đến ngày 29/01/2011, Công an quận T có thông báo trả lời đây là tranh chấp dân sự, Viện Kiểm sát nhân dân Quận T nêu “Ngân hàng K Thành phố Hồ Chí Minh đã thu hồi chiếc xe trên của chúng tôi và bàn giao cho ông Đ và bà C quản lý và sử dụng”. Vợ chồng ông Đ và bà C đã ký biên bản bàn giao chiếc xe trên cho Ngân hàng vào ngày 30/7/2010.

Trước đây, ông yêu cầu Ngân hàng phải bồi thường các khoản thiệt hại gồm: giá trị xe là 816.300.000 đồng; thuế trước bạ, lệ phí cấp biển số, lệ phí đăng kiểm là 57.000.000 đồng; phí đảm bảo tài sản là 43.000.000 đồng; lãi suất ngân hàng tháng 8, 9, 10/2010 là 50.000.000 đồng; thiệt hại do không cho thuê xe từ tháng 8/2010 đến tháng 12/2014 là 900.000.000 đồng; thiệt hại từ tháng 12/2014 đến nay là 630.000.000 đồng; thiệt hại chi phí khởi kiện, đi lại, tổn thất tinh thần, công ăn việc làm, uy tín là 400.000.000 đồng. Tuy nhiên, nay ông L thống nhất với yêu cầu, ý kiến của bà Nguyễn Thị Trúc H .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn C1 trình bày:

Ông là nhân viên của Ngân hàng từ tháng 6 đến tháng 10/2010, chuyên viên xử lý nợ. Ngày 30/7/2010, ông có lập biên bản làm việc với ông Trần Minh Đ, bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Thị Trúc H. Bà H tham gia buổi làm việc nhưng không đồng ý ký tên và bỏ về, còn ông Đ và bà C ký biên bản đồng ý giao xe nhưng không thực hiện. Do bà H bỏ về nên ông Đ đã ghi nhận nội dung này vào biên bản làm việc. Sau đó, ông có xuống nhà ông Đ và bà C yêu cầu bàn giao xe nhưng ông Đ và bà C không đồng ý nên ông đã lập biên bản ghi nhận ý kiến của họ.

Đối với biên bản bàn giao tài sản đảm bảo ngày 30/7/2010, biên bản này gồm có 02 tờ, chữ viết trên tờ thứ nhất là của ông Huỳnh Văn Bảo T, chữ ký và chữ viết tên dưới mục “Đại diện Ngân hàng” tại tờ thứ hai là của ông. Tuy nhiên, đây là biên bản không có giá trị pháp lý, vì không có dấu của Ngân hàng TMCP K. Theo quy trình về xử lý các khoản nợ có vấn đề của Ngân hàng, dấu của Ngân hàng được đóng khi có chữ ký của ông Vũ Bá N. Biên bản này không có chữ ký của ông Vũ Bá N. Mặt khác, tờ thứ hai của biên bản bàn giao tài sản đảm bảo chính là tờ thứ hai của biên bản ghi nhận ý kiến của ông Đ và bà C về việc không đồng ý giao chiếc xe, đã được ông lập như đã nêu ở trên và đã bị ai đó ghép với tờ thứ nhất của biên bản bàn giao tài sản đảm bảo ngày 30/7/2010 rồi đóng dấu giáp lai và đóng dấu treo. Trên thực tế, ông Đ và bà C không bàn giao chiếc xe cho ông. Biên bản làm việc ngày 25/8/2010, giữa Ngân hàng và bà H là đúng quy định. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc H. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Ngân hàng TMCP K. Ông yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa.

Ông Trần Minh Đ và bà Phạm Thị C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Tại Bản khai ngày 26/9/2019, ông Huỳnh Văn Bảo T trình bày:

Trước đây ông là chuyên viên xử lý nợ của Ngân hàng TMCP K, làm việc từ tháng 11/2007 đến tháng 8/2012.

Ông xác nhận chữ viết trên mặt đầu tiên của Biên bản làm việc ngày 30/7/2010 là do ông viết. Đối với vụ việc này, tại thời điểm lập biên bản làm việc, trong khi ông viết biên bản thì bà C nói không mang xe lên ngân hàng, do đó ông chỉ vừa viết xong mặt đầu tiên của biên bản thì biên bản không được ký. Sau đó khoảng 01 tuần hay 10 ngày ông có nghe việc bà H trả nợ quá hạn, tranh chấp xe ô tô. Ông không rõ mặt sau của biên bản ngày 30/7/2010 là như thế nào.

Ông được biết tại thời điểm năm 2010, nếu khách hàng vay vốn giao tài sản thì trưởng đơn vị xác nhận, đồng thời kiểm tra tài sản, sau đó những người có mặt làm việc mới ký tên nếu cần thiết, nhân viên không được ký nhận tài sản.

Tại Bản khai ngày 18/01/2022, ông Vũ Bá N trình bày:

Ông nguyên là Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ Miền Nam – Ngân hàng TMCP K. Trong Biên bản bàn giao tài sản lập ngày 30/7/2010, Biên bản làm việc ngày 30/7/2010 có ghi tên ông nhưng ông không tham gia vào việc lập các biên bản này. Ông không nhớ sự việc này, nếu có làm việc thì biên bản phải có chữ ký và đóng dấu của Ngân hàng như nội dung của biên bản ngày 25/8/2010. Quy trình xử lý nợ/tài sản đảm bảo theo quy định của Ngân hàng và hội sở. Do không liên quan, không nhớ, ông đề nghị không tham gia quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 134/2022/DS-ST ngày 19/5/2022, Tòa án nhân dân Quận M đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc H về việc yêu cầu Ngân hàng TMCP K trả 310.625.000 đồng và tiền lãi do chậm trả là 366.623.784 đồng, tổng cộng là 677.248.784 đồng:

Buộc Ngân hàng TMCP K phải trả cho bà Nguyễn Thị Trúc H số tiền 184.208.213 đồng và tiền lãi là 211.276.213 đồng, tổng cộng là 395.484.799 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngân hàng TMCP K có quyền căn cứ bản án này cùng bản chính Giấy đăng ký xe ô tô số 000899 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/11/2009 cho bà Nguyễn Thị Trúc H, để đăng ký quyền sở hữu đối với chiếc xe trên theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Ngân hàng TMCP K về việc:

Yêu cầu bà Nguyễn Thị Trúc H và ông Dương Kinh L phải thanh toán các khoản tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 2216/HĐTD/TH–TN/TCB–HCM ngày 19/11/2009, tính đến ngày 19/5/2022 gồm: nợ gốc là 439.375.000 đồng; lãi trong hạn: 126.416.787 đồng; lãi quá hạn: 1.189.199.629 đồng; tổng cộng: 1.754.991.416 đồng.

Tiền lãi phát sinh trên nợ gốc theo lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 20/5/2022 đến ngày trả dứt nợ theo thứ tự: lãi quá hạn, vốn.

Trường hợp bà H và ông L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ; nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán khoản nợ thì bà H và ông L phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Trúc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.088.199 đồng, nhưng được trừ vào các khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, gồm: biên lai số 05120 ngày 10/5/2012, số tiền là 18.244.500 đồng và biên lai số 005766 ngày 5/2/2020, số tiền là 22.946.385 đồng. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền chênh lệch là 27.102.686 đồng.

Ngân hàng TMCP K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 84.423.982 đồng, nhưng được trừ vào 16.529.829 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06892 ngày 27/5/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M. Ngân hàng TMCP K còn phải nộp thêm số tiền chênh lệch là 67.894.153 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/5/2022, Ngân hàng TMCP K là bị đơn nộp đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bị đơn Ngân hàng TMCP K ủy quyền cho ông Mai Văn Đ đại diện trình bày: Cấp sơ thẩm không triệu tập ông Vũ Bá N và ông Huỳnh Văn Bảo T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng.

Nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu Ngân hàng bồi thường giá trị chiếc xe ô tô và thiệt hại phát sinh. Bị đơn phản tố yêu cầu bà H trả số tiền vay và lãi theo Hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm giải quyết vụ án vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai ông Võ Văn C1 khẳng định ngày 30/7/2010, ông có lập biên bản bàn giao xe nhưng thực tế ông Đ và bà C chưa bàn giao xe cho Ngân hàng, nên thực tế Ngân hàng chưa nhận bàn giao chiếc xe ô tô hiệu Toyota Fortunner, biển số 56N-7320 từ bà C và ông Đ, căn cứ Biên bản ghi lời khai ngày 28/9/2010, ngày 15/10/2010 và Biên bản bàn giao xe ngày 30/7/2010 được lập không đúng quy trình của Ngân hàng, không có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu treo nên không có giá trị pháp lý. Do đó, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Ngân hàng TMCP K. Buộc bà Nguyễn Thị Trúc H và ông Dương Kinh L phải trả cho Ngân hàng số tiền 1.754.991.416 đồng, trong đó nợ gốc là 439.375.000 đồng; nợ lãi là 1.315.616.416 đồng (lãi trong hạn là 126.416.787 đồng và lãi quá hạn: 1.189.199.629 đồng, tạm tính đến ngày 19/5/2022) theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 2216/HĐTD/TH-TN/TCB-HCM ngày 19/11/2009, Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 20/11/2009 kể từ ngày 20/5/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ. Trường hợp, bà H và ông L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota, biển số 56N-7320, số khung 001989, số máy

775744 theo Giấy đăng ký xe ô tô số 000899 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/11/2009, để thu hồi nợ.

+ Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Kinh L ủy quyền cho bà H đại diện yêu cầu không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn C1 trình bày: ngày 30/7/2010, ông có lập Biên bản làm việc với ông Đ và bà C . Tuy nhiên, tờ thứ hai của của biên bản này đã bị ai đó ghép với tờ thứ nhất của Biên bản bàn giao tài sản đảm bảo ngày 30/7/2010 rồi đóng dấu giáp lai và đóng dấu treo.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án. Đồng thời, các đương sự trong vụ án thực hiện các quyền và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Căn cứ Quyết định thu giữ tài sản thế chấp cầm cố cho ngân hàng số 168/TCB–HCM số 168/TCB–HCM ngày 20/7/2010 của Ngân hàng TMCP K; Biên bản bàn giao tài sản đảm bảo; Biên bản làm việc do Ngân hàng TMCP K lập cùng ngày 30/7/2010 cũng như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền ngân hàng, có căn cứ xác định ngân hàng đã nhận bàn giao chiếc xe ô tô Toyota Fortuner, biển số 56N-7320 từ ông Đ .

và bà C (bên thứ ba) vào ngày 30/7/2010. Do đó, Ngân hàng TMCP K kháng cáo cho rằng, ngân hàng chưa nhận bàn giao xe là không có căn cứ.

Xét, Biên bản bàn giao tài sản đảm bảo ngày 30/7/2010, giữa đại diện Ngân hàng TMCP K gồm ông Vũ Bá N , ông Huỳnh Văn Bảo T, ông Võ Văn C1 với bà Phạm Thị C và ông Trần Minh Đ , tại biên bản này phân ký tên đại diện ngân hàng do ông Võ Văn C1 ký tên, có đóng dấu giáp lai và dấu treo của Ngân hàng TMCP K, nên ngân hàng phải chịu trách nhiệm đối những vi phạm, sai sót do nhân viên ngân hàng. Do đó, Ngân hàng TMCP K kháng cáo cho rằng, Biên bản bàn giao xe ngày 30/7/2010 được lập không đúng quy trình của Ngân hàng, không có chữ ký của người có thẩm quyền nên không có giá trị pháp lý là không có căn cứ.

Ngày 30/7/2010, Ngân hàng đã thu giữ tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô và đến nay không hoàn trả cho bà H và ông L. Như vậy, xem như Ngân hàng đã xử lý tài sản bảo đảm theo phương thức nhận chính tài sản để thay thế cho nghĩa vụ, đã được ghi nhận tại khoản 5.4 Điều 5 của hợp đồng thế chấp ngày 20/11/2009. Do đó, Ngân hàng TMCP K kháng cáo yêu cầu bà H và ông L phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 439.375.000 đồng và nợ lãi là 1.315.616.416 đồng, là không có căn cứ.

Thời điểm 20/11/2010, khoản vay tiền của bà H và ông L chưa phát sinh lãi quá hạn, nên bà H và ông L có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc là 439.375.000 đồng và lãi trong hạn là 126.416.787 đồng, tổng cộng là 565.791.787 đồng. Căn

trừ số tiền này vào giá trị chiếc xe ô tô Toyota Fortuna đời 2009, biển số 56N-7320 là 750.000.000 đồng. Do đó, Ngân hàng có nghĩa vụ trả cho bà H và ông L số tiền dư là 184.208.213 đồng và lãi suất 10%/năm, thời điểm bắt đầu tính lãi do chậm trả là ngày 01/01/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm là 211.276.213 đồng, như án sơ thẩm là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP K và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh Đ và bà Phạm Thị C đã được tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa phúc thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ và bà C theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét Biên bản bàn giao tài sản đảm bảo và Biên bản làm việc cùng ngày 30/7/2010, có ghi họ tên của ông Vũ Bá N và ông Huỳnh Văn Bảo T. Tuy nhiên, các biên bản trên ông Nam và ông Thái không có ký tên, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Nam và ông Thái đã có bản khai ngày 18/01/2022 và ngày 26/9/2019, nên không cần thiết phải đưa ông Nam và ông Thái tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, Ngân hàng TMCP K ủy quyền cho ông Mai Văn Đ đại diện kháng cáo cho rằng, án sơ thẩm không đưa ông Nam và ông Thái tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[3] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc H khởi kiện bị đơn Ngân hàng TMCP K, yêu cầu Ngân hàng bồi thường giá trị còn lại chiếc xe ô tô là 750.000.000 đồng và thiệt hại phát sinh là số tiền lãi 366.623.784 đồng, tổng cộng là 677.248.784 đồng, đồng thời, đề nghị cản trừ khoản nợ gốc vào giá trị chiếc xe ô tô. Bị đơn Ngân hàng TMCP K phản tố yêu cầu bà H và ông L phải thanh toán các khoản tiền theo Hợp đồng tín dụng ngày 19/11/2009 tổng cộng là 1.754.991.416 đồng, trong đó nợ gốc là 439.375.000 đồng; nợ lãi là 1.315.616.416 đồng (lãi trong hạn là 126.416.787 đồng và lãi quá hạn là 1.189.199.629 đồng, tạm tính đến ngày 19/5/2022). Án sơ thẩm xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu của bị đơn và xem như ngân hàng đã xử lý tài sản đảm bảo theo phương thức nhận tài sản để thay thế cho nghĩa vụ nên đã cản trừ khoản nợ và lãi mà ông L và bà H nợ ngân hàng vào giá trị chiếc xe ô tô và tiền lãi phát sinh, nên buộc Ngân hàng TMCP K phải trả cho bà Nguyễn Thị Trúc H số tiền 184.208.213 đồng và tiền lãi là 211.276.213 đồng, tổng cộng là 395.484.799 đồng là đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và

yêu cầu phản tố của bị đơn. Do đó, Ngân hàng TMCP K ủy quyền cho ông Mai Văn Đ đại diện kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm giải quyết vụ án vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[4] Theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 2216/HĐTD/TH–TN/TCB–HCM ngày 19/11/2009, có nội dung: Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị Trúc H và ông Dương Kinh L vay số tiền 570.000.000 đồng; mục đích vay mua xe ô tô Toyota; thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; lãi suất vay kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên đến ngày 28/2/2010 là 10,5%/năm, điều chỉnh 3 tháng/1 lần vào các ngày 01/03, 01/06, 01/09, 01/12 và bằng lãi suất huy động tiết kiệm thường 12 tháng loại trả sau của K – Hội sở/chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 6%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được qui định bởi ngân hàng tại thời điểm thay đổi lãi suất; tài sản bảo đảm là xe ô tô hiệu Toyota Fortuner, biển số 56N – 7320; ngoài ra, hợp đồng còn có các điều khoản về quyền, nghĩa vụ của các bên, chấm dứt hợp đồng, thu hồi nợ trước hạn, phạt vi phạm hợp đồng (bút lục số 150 – 153).

[5] Theo Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 2216 ngày 20/11/2009, có nội dung: bà Nguyễn Thị Trúc H và ông Dương Kinh L xác nhận đã nhận nợ số tiền 570.000.000 đồng từ Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục số 149).

[6] Theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 2216/HĐTC–TSTL/TCB ngày 20/11/2009, có chứng nhận của Phòng Công chứng số 4 Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 052441, quyền số 3 TP/CC–SCC/HĐGD ngày 20/11/2009, có nội dung: bà Nguyễn Thị Trúc H và ông Dương Kinh L thế chấp tài sản là xe ô tô hiệu Toyota Fortuner, biển số 56N–7320, số khung 001989, số máy 775744 (giấy hẹn do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/11/2009, ngày hẹn lấy đăng ký xe là ngày 25/11/2009; Hợp đồng mua bán xe ô tô số 06209–1/TLTK2009 ngày 22/10/2009, giữa Công ty Toyota LTK và bà Nguyễn Thị Trúc H) cho Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, phạt, bồi thường thiệt hại và các chi phí khác của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 2216/HĐTD/TH– TN/TCB–HCM ngày 19/11/2009. Ngoài ra, hợp đồng còn có các điều khoản về quyền, nghĩa vụ của hai bên; quản lý, đầu tư tài sản thế chấp; xử lý tài sản thế chấp (bút lục số 154 – 158).

[7] Theo Biên bản bàn giao tài sản đảm bảo ngày 20/11/2009, có nội dung: bà Nguyễn Thị Trúc H và ông Dương Kinh L bàn giao cho Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản gồm: Giấy hẹn do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/11/2009, ngày hẹn lấy đăng ký xe là ngày 25/11/2009; Hợp đồng mua bán xe ô tô số 06209–1/TLTK2009 ngày 22/10/2009, giữa Công ty Toyota LTK và bà Nguyễn Thị Trúc H để Ngân hàng

quản lý trong suốt thời gian bà H và ông L thế chấp cho Ngân hàng (bút lục số 78).

[8] Theo Quyết định thu giữ tài sản thế chấp cầm cố cho ngân hàng số 3168/TCB-HCM ngày 29/7/2010 của Ngân hàng TMCP K có nội dung: Thu hồi tài sản của khách hàng Nguyễn Thị Trúc H đã thế chấp tại Ngân hàng TMCP K là chiếc xe Toyota Fortunner, số khung RL4YX59G799001989, số máy 2TR-6775744, biển số 56N-7320 (bút lục số 316). Ngoài ra, trong hồ sơ còn thể hiện Quyết định thu giữ tài sản thế chấp cầm cố cho ngân hàng số 168/TCB-HCM ngày 20/7/2010 (bút lục số 27) và tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của ngân hàng cung cấp Quyết định thu giữ tài sản thế chấp cầm cố cho ngân hàng không ghi số và ngày tháng năm. Các quyết định nêu trên cùng có nội dung giống nhau.

[9] Xét, ngày 20 và 29/7/2010 Ngân hàng TMCP K ra Quyết định thu giữ tài sản thế chấp cầm cố cho ngân hàng số 168/TCB-HCM và số 3168/TCB-HCM, có nội dung: Thu hồi tài sản của khách hàng Nguyễn Thị Trúc H đã thế chấp tại Ngân hàng TMCP K là chiếc xe Toyota Fortunner, số khung RL4YX59G799001989, số máy 2TR-6775744, biển số 56N-7320. Đồng thời, ngày 30/7/2010, Ngân hàng TMCP K với bà Phạm Thị C và ông Trần Minh Đ lập Biên bản bàn giao tài sản đảm bảo với nội dung: Hai bên thống nhất bàn giao xe ô tô Toyota Fortunner, biển số 56N-7320 và giấy tờ xe cho ngân hàng tạm giữ (bút lục số 319-320) là phù hợp với Biên bản làm việc do Ngân hàng TMCP K lập ngày 30/7/2010, có nội dung: Nay ông Đ và bà C biết chiếc xe mà ông L và bà H thế chấp cho ông bà là tài sản đang thế chấp cho Ngân hàng K là tài sản của ngân hàng, nên ông Đ và bà C bàn giao cho Ngân hàng quản lý thu hồi. Ông Đ và bà C yêu cầu Ngân hàng có thanh lý xe ô tô trên để thu hồi nợ, phần còn lại ưu tiên giải quyết nợ đang thiếu chỗ ông bà (bút lục số 317-318) và tại Bản khai 27/3/2013, đại diện của Ngân hàng là ông Phan Văn Hiệp thừa nhận “Đến ngày 30/7/2010, K đã nhận bàn giao tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota, biển số 56N – 7320, với mục đích là cản trừ nợ theo Biên bản bàn giao ngày 30/7/2010” (bút lục số 59). Như vậy, có căn cứ xác định ông Đ và bà C (bên thứ ba) đã bàn giao chiếc xe ô tô Toyota Fortunner, biển số 56N-7320 cho Ngân hàng TMCP K vào ngày 30/7/2010. Do đó, Ngân hàng TMCP K kháng cáo cho rằng, Ngân hàng chưa nhận bàn giao chiếc xe ô tô hiệu Toyota Fortunner, biển số 56N-7320 từ bà C và ông Đ, là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[10] Ngày 02/8/2010, Ngân hàng ra Thông báo hủy bỏ Quyết định số 3168/TCB-HCM ngày 29/7/2010 về việc thu giữ tài sản thế chấp đối với khách hàng Nguyễn Thị Trúc H và tại Biên bản làm việc do Công an phường HT, quận T lập ngày 23/8/2010, ông Đ và bà C trình bày: Ngân hàng TMCP K đã giao chiếc xe trên cho ông Đ và bà C quản lý, bảo quản (bút lục số 23 – 24). Như vậy, Ngân hàng phải chịu trách nhiệm đối với việc giao xe cho ông Đ 052140.và bà C.

[11] Căn cứ Kết luận giám định số 4603/C09B ngày 16/10/2019 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên “Võ Văn C1” dưới mục: “Đại diện ngân hàng” trên tài liệu cần giám định: “Biên bản bàn giao tài sản đảm bảo” ngày 30/7/2010 (ký hiệu A) so với chữ viết họ tên “Võ Văn C1” trên mẫu so sánh ký hiệu M1; Chữ ký, chữ viết họ tên “Võ Văn C1” trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M2 đến M7) là do cùng một người ký và viết ra (bút lục số 299) và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Võ Văn C1 thừa nhận chữ ký tại Biên bản bàn giao tài sản đảm bảo và Biên bản làm việc cùng ngày 30/7/2010 là do ông ký.

[12] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Võ Văn C1 cho rằng, ông có lập Biên bản bàn giao tài sản đảm bảo và Biên bản làm việc cùng ngày 30/7/2010, với ông Đ, bà C và ghi nhận ý kiến của ông Đ và bà C về việc không đồng ý bàn giao chiếc xe. Do tờ thứ hai của của biên bản này đã bị ai đó ghép với tờ thứ nhất của Biên bản bàn giao tài sản đảm bảo ngày 30/7/2010 rồi đóng dấu giáp lai và đóng dấu treo. Tuy nhiên, căn cứ vào Biên bản làm việc ngày 30/7/2010, ông Đ và bà C trình bày: “Nay ông Đ và bà C biết chiếc xe mà ông L và bà H là tài sản đang thế chấp cho Ngân hàng K là tài sản của Ngân hàng nên ông Đ và bà C bàn giao cho Ngân hàng quản lý, thu hồi. Ông Đ và bà C yêu cầu Ngân hàng có thanh lý xe ô tô trên để thu hồi nợ, phần còn lại ưu tiên giải quyết nợ đang thiếu cho ông/bà”, là phù hợp với Biên bản bàn giao tài sản đảm bảo ngày 30/7/2010. Đồng thời, ông C1 cũng như Ngân hàng TMCP K không xuất trình được chứng cứ chứng minh Biên bản bàn giao tài sản đảm bảo ngày 30/7/2010 bị ghép. Do đó, lời trình bày của ông C1 là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[13] Xét, Biên bản bàn giao tài sản đảm bảo ngày 30/7/2010, giữa đại diện Ngân hàng TMCP K gồm ông Vũ Bá N, ông Huỳnh Văn Bảo T, ông Võ Văn C1 với bà Phạm Thị C và ông Trần Minh Đ, tại biên bản này phần ký tên đại diện ngân hàng do ông Võ Văn C1 ký tên, có đóng dấu giáp lai và dấu treo của Ngân hàng TMCP K. Ông C1 chuyên viên xử lý nợ của ngân hàng ký tên đại diện cho Ngân hàng TMCP K nhận bàn giao xe, nên ngân hàng phải chịu trách nhiệm đối những vi phạm, sai sót do ông C1 gây ra (nếu có), đối với biên bản bàn giao xe. Do đó, Ngân hàng TMCP K kháng cáo cho rằng, Biên bản bàn giao xe ngày 30/7/2010 được lập không đúng quy trình của Ngân hàng, không có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu giáp lai nên không có giá trị pháp lý, là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[14] Như đã nhận định trên và xét khoản vay của bà H và ông L đã quá hạn từ ngày 20/11/2010. Tuy nhiên, ngày 30/7/2010, Ngân hàng đã thu giữ tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô và đến nay không hoàn trả cho bà H và ông L. Như vậy, xem như Ngân hàng đã xử lý tài sản bảo đảm theo phương thức nhận chính tài sản để thay thế cho nghĩa vụ, đã được hai bên thỏa thuận tại khoản 5.4 Điều 5 của Hợp đồng thế chấp ngày 20/11/2009. Do đó, Ngân hàng TMCP K kháng cáo yêu cầu bà H và ông L phải trả cho Ngân hàng số tiền 1.754.991.416 đồng, trong đó nợ gốc là 439.375.000 đồng; nợ lãi là 1.315.616.416 đồng (lãi trong hạn là 126.416.787 đồng và lãi quá hạn là 1.189.199.629 đồng, tạm tính đến ngày

19/5/2022) theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 2216/HĐTD/TH–TN/TCB–HCM ngày 19/11/2009, là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[15] Theo Chứng thư thẩm định giá số SGN-6404/2019/EX ngày 23/7/2019 của Công ty Cổ phần thẩm định giá EX(Công ty EX), kết quả thẩm định giá thị trường xe Toyota Fortuner đời 2009, biển số 56N-7320 vào thời điểm tháng 8/2010 là 803.000.000 đồng (Giá trên đã bao gồm VAT, chi phí sang tên, lệ phí trước bạ và các chi phí khác theo quy định của pháp luật). Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H tự nguyện giảm 53.000.000 đồng nên giá trị xe còn lại là 750.000.000 đồng.

[16] Án sơ thẩm nhận định, thời điểm 20/11/2010, khoản vay tiền của bà H và ông L chưa phát sinh lãi quá hạn, nên bà H và ông L có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc là 439.375.000 đồng và lãi trong hạn là 126.416.787 đồng, tổng cộng là 565.791.787 đồng. Cấn trừ số tiền này vào giá trị chiếc xe ô tô Toyota Fortuna đời 2009, biển số 56N-7320 là 750.000.000 đồng, Ngân hàng có nghĩa vụ trả cho bà H và ông L số tiền dư là 184.208.213 đồng và lãi suất 10%/năm là 211.276.213 đồng, là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm có sai số khi cộng số tiền 184.208.213 và tiền lãi là 211.276.213, tổng cộng là 395.484.799 đồng là không chính xác. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại tổng cộng là 395.484.426 đồng cho phù hợp.

[17] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP K và giữ nguyên bản án sơ thẩm, là có căn cứ nên chấp nhận.

[18] Án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên Ngân hàng TMCP K phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280; Điều 357; khoản 2 Điều 468; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2009;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP K.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2022/DS-ST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc H về việc yêu cầu Ngân hàng TMCP K trả 310.625.000đ (ba trăm mười triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) và tiền lãi do chậm trả là 366.623.784đ (ba trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn bảy trăm tám mươi bốn đồng), tổng cộng là 677.248.784đ (sáu trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi tám ngàn bảy trăm tám mươi bốn đồng):

Buộc Ngân hàng TMCP K phải trả cho bà Nguyễn Thị Trúc H số tiền 184.208.213đ (một trăm tám mươi bốn triệu hai trăm lẻ tám ngàn hai trăm mười ba đồng) và tiền lãi là 211.276.213 đ (hai trăm mười một triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn hai trăm mười ba đồng), tổng cộng là 395.484.426 đ (ba trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi bốn ngàn bốn trăm hai mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngân hàng TMCP K có quyền căn cứ bản án này cùng bản chính Giấy đăng ký xe ô tô số 000899 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/11/2009 cho bà Nguyễn Thị Trúc H, để đăng ký quyền sở hữu đối với chiếc xe trên theo quy định của pháp luật.

2.2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Ngân hàng TMCP K về việc:

Yêu cầu bà Nguyễn Thị Trúc H và ông Dương Kinh L phải thanh toán các khoản tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 2216/HĐTD/TH-TN/TCB-HCM ngày 19/11/2009, tính đến ngày 19/5/2022 gồm: nợ gốc là 439.375.000đ (bốn trăm ba mươi chín triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng); lãi trong hạn: 126.416.787đ (một trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm mười sáu ngàn bảy trăm tám mươi bảy đồng); lãi quá hạn: 1.189.199.629đ (một tỷ một trăm tám mươi chín triệu một trăm chín mươi chín ngàn sáu trăm hai mươi chín đồng); tổng cộng: 1.754.991.416đ (một tỷ bảy trăm năm mươi bốn triệu chín trăm chín mươi một ngàn bốn trăm mười sáu đồng).

Tiền lãi phát sinh trên nợ gốc theo lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 20/5/2022 đến ngày trả dứt nợ theo thứ tự: lãi quá hạn, vốn.

Trường hợp bà H và ông L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ; nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán khoản nợ thì bà H và ông L phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng.

2.3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Trúc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.088.199đ (mười bốn triệu không trăm tám mươi tám ngàn một trăm chín mươi chín đồng), nhưng được trừ vào các khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, gồm: biên lai số 05120 ngày 10/5/2012, số tiền là 18.244.500 đ (mười tám triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm đồng) và biên lai số 005766 ngày 05/2/2020, số tiền là 22.946.385 đ (hai mươi hai triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn ba trăm tám mươi lăm đồng). Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền chênh lệch là 27.102.686 đ (hai mươi bảy triệu một trăm lẻ hai ngàn sáu trăm tám mươi sáu đồng).

Ngân hàng TMCP K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 84.423.982đ (tám mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn chín trăm tám mươi hai đồng), nhưng được trừ vào 16.529.829đ (mười sáu triệu năm trăm hai mươi chín ngàn tám trăm hai mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06892 ngày 27/5/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M. Ngân hàng TMCP K còn phải nộp thêm số tiền chênh lệch là 67.894.153đ (sáu mươi bảy triệu tám trăm chín mươi bốn ngàn một trăm năm mươi ba đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng TMCP K phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005956 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THA DS Quận M;
- TAND Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Tường